

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 46

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần GKM Holdings (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần GKM Holdings (Tên gọi cũ là "Công ty Cổ phần Khang Minh Group") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0700510750 ngày 23/09/2010, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 10 ngày 18/10/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

- Trụ sở chính : KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
- Điện thoại : 024 3220 2988

Công ty hiện đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã giao dịch là: GKM.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ủy ban kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ủy ban kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Đặng Việt Lê	Chủ tịch HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 10/10/2023
Ông Trần Hưng Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/10/2023
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/10/2023
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 06/10/2023
Ông Phạm Nghiêm Việt Dũng	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 06/10/2023
Ông Nguyễn Công Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/10/2023
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 06/10/2023
Ông Nguyễn Hữu Phú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/10/2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 06/10/2023
Bà Cao Thị Thương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/10/2023
Bà Nguyễn Minh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/10/2023

Ủy ban Kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Đỗ Minh Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06/10/2023
Ông Nguyễn Công Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/10/2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Phú	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/10/2023
Ông Nguyễn Việt Hà	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/10/2023
Ông Hoàng Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Tiềm	Phó Giám đốc phụ trách sản xuất và thiết bị	

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau: Ông Đặng Việt Lê - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (sinh ngày 19/10/1974; Dân tộc Kinh, Quốc tịch Việt Nam).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh riêng

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tình hình tài chính riêng vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo nhận định của Hội đồng quản trị, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty. Kiểm toán viên không có bất kỳ quan hệ kinh tế hoặc quyền lợi kinh tế như góp vốn cổ phần, cho vay hoặc vay vốn từ khách hàng, là cổ đông chi phối của khách hàng hoặc ký kết hợp đồng gia công dịch vụ, đại lý tiêu thụ hàng hóa... .

6. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính riêng

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Hội đồng quản trị cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng, tình hình hoạt động kinh doanh riêng của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

8. Cam kết về công bố thông tin

Hội đồng quản trị cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Dặng Việt Lê

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nam, Việt Nam

Ngày 21 tháng 03 năm 2024



Số: 082/2024/BCKTR-PB.00518

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ủy ban kiểm toán
và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần GKM Holdings**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần GKM Holdings (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 5.18.1 của Báo cáo tài chính riêng trình bày về việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và việc Hội đồng quản trị đã thực hiện việc sử dụng lợi nhuận năm 2023 để thực hiện việc chi trả cổ tức nêu trên.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần GKM Holdings đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng vào ngày 22 tháng 03 năm 2023.



VŨ GIANG NAM

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5246 - 2021 - 009 - 1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
- CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 21 tháng 03 năm 2024

ĐẶNG NGỌC KHÁNH

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 2505 - 2024 - 009 - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		259.959.864.091	163.592.899.756
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.219.568.365	50.081.966.316
1. Tiền	111	5.1	11.219.568.365	50.081.966.316
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		240.961.627.827	103.512.407.084
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	14.934.616.451	96.319.730.796
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	69.536.369.607	6.999.141.817
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	5.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	151.490.641.769	193.534.471
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	-	842.526.000
1. Hàng tồn kho	141		-	842.526.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.778.667.899	9.156.000.356
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	6.000.455	97.653.889
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.074.185.215
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	7.772.667.444	7.984.161.252
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		172.754.310.823	246.114.890.985
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.000.000.000	45.000.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	45.000.000.000	45.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		865.833.012	1.525.502.247
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	865.833.012	1.525.502.247
- Nguyên giá	222		12.707.165.099	12.707.165.099
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.841.332.087)	(11.181.662.852)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.10	29.249.988.459	31.508.174.571
- Nguyên giá	231		42.872.413.754	42.872.413.754
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.622.425.295)	(11.364.239.183)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	579.863.861
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	-	579.863.861
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	87.544.183.172	156.844.183.172
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	153.844.183.172
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		60.000.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		27.544.183.172	3.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.094.306.180	10.657.167.134
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	10.094.306.180	10.657.167.134
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		432.714.174.914	409.707.790.741

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		96.390.959.118	116.266.952.409
I. Nợ ngắn hạn	310		96.390.959.118	69.607.366.549
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	30.244.719.847	31.894.390.577
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	2.873.741.620	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	7.886.620.091	11.203.674.568
4. Phải trả người lao động	314		-	156.249.400
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	464.872.972	1.979.205.072
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	2.790.388.424	1.473.846.932
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	52.130.616.164	22.900.000.000
II. Nợ dài hạn	330		-	46.659.585.860
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	-	46.659.585.860
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		336.323.215.796	293.440.838.332
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	336.323.215.796	293.440.838.332
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		314.342.370.000	238.139.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		314.342.370.000	238.139.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.416.059.091	8.556.059.091
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.564.786.705	46.745.779.241
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	22.510.984.722
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.564.786.705	24.234.794.519
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		432.714.174.914	409.707.790.741

mai

Nguyễn Thị Duyên



Người lập biểu

Đặng Thị Mai

Hà Nam, Việt Nam

Ngày 21 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Duyên

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đặng Việt Lê

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 02 - DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	27.070.368.700	67.175.582.950
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		27.070.368.700	67.175.582.950
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	24.313.213.328	46.366.160.008
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.757.155.372	20.809.422.942
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	62.873.896.733	25.853.326.932
7. Chi phí tài chính	22	6.4	9.462.986.560	15.205.004.087
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.036.316.325	13.076.682.318
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	757.348.498	1.663.678.055
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	6.231.905.801	1.571.392.008
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		49.178.811.246	28.222.675.724
11. Thu nhập khác	31	6.7	123.590.306	12.648.726
12. Chi phí khác	32	6.8	661.905.856	1.250.812.432
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(538.315.550)	(1.238.163.706)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		48.640.495.696	26.984.512.018
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	5.618.118.232	2.749.717.499
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		43.022.377.464	24.234.794.519

mai

Nguyễn Thị Duyên



Người lập biểu

Đặng Thị Mai

Hà Nam, Việt Nam

Ngày 21 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Duyên

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đặng Việt Lê

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 03 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	48.640.495.696	26.984.512.018
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	2.917.855.347	2.995.074.038
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(62.294.032.872)	(25.121.624.715)
- Chi phí lãi vay	06	7.036.316.325	13.076.682.318
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.699.365.504)	17.934.643.659
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(20.068.616.240)	(2.123.881.363)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	842.526.000	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(600.187.074)	(12.574.070.573)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	564.514.388	(1.528.116.545)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.158.922.399)	(12.008.687.341)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.392.348.679)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(37.512.399.508)	(10.300.112.163)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(7.246.316.114)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	7.245.136.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.000.000.000)	(53.320.000.000)
4. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	27.504.100.864
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(60.000.000.000)	(3.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	66.637.000.000	127.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.441.971.253	16.332.824.977
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	16.078.971.253	114.515.746.091
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	24.745.030.304	51.075.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(42.174.000.000)	(120.164.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.428.969.696)	(69.089.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(38.862.397.951)	35.126.133.928
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	50.081.966.316	14.955.832.388
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	11.219.568.365	50.081.966.316

Mau

Nguyễn Thị Duyên



Người lập biểu

Đặng Thị Mai

Hà Nam, Việt Nam

Ngày 21 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Duyên

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đặng Việt Lê

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần GKM Holdings (Tên gọi cũ là “Công ty Cổ phần Khang Minh Group”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0700510750 ngày 23/09/2010, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 10 ngày 18/10/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 314.342.370.000 VND (Ba trăm mười bốn tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng); Tổng số cổ phần là 31.434.237 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/01 cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: 314.342.370.000 VND (Ba trăm mười bốn tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng);

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là đầu tư tài chính.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì;
- Bán buôn thực phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao;

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN**1.5. Cấu trúc của Công ty****Các Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác như sau:**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Power Trade	Thôn Hồng Vi, xã Chiến Thắng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Truyền tải và phân phối điện; sản xuất kinh doanh buôn bán điện và các hoạt động khác có liên quan	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ Internet Chiếc Ô Xanh	Cụm 9, xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội	Bán buôn thực phẩm	5,00%	5,00%
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh	Thị trấn Kiện Khê, Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	19,07%	19,07%
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	KCN Châu Sơn, P. Lê Hồng Phong, TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	17,00%	17,00%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin.

1.7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 03 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 04 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc và thiết bị	03 – 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	05 – 08

4.8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Nguyên giá bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan

khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc chi phí liên quan trực tiếp đến bất động sản đầu tư.

Thời gian khấu hao được ước tính từ 06 - 15 năm.

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

4.12. Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ;
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

4.14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

4.16. Giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.17. Chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.18. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	95.935.226	61.816.352
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.123.633.139	50.020.149.964
Cộng	11.219.568.365	50.081.966.316

5.2. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	6.210.387.451	895.177.478
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	5.278.460.081	895.177.478
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh	931.927.370	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	8.724.229.000	95.424.553.318
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển và Xây dựng Phạm Gia	-	4.114.460.000
Công ty TNHH Thương mại Thành Lâm	-	12.743.390.702
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Thương mại Hùng Trang	-	4.831.986.000
Công ty Cổ phần Đầu tư bê tông Anh Đức	-	6.622.018.960
Công ty TNHH MTV Tuấn Dũng Tây Bắc	-	4.984.717.600
Công ty Cổ phần VLXD Bảo Minh Khang	-	17.921.682.546
Công ty TNHH TM và VLXD Phát Đạt	-	10.195.782.886
Công ty Cổ phần Đá ốp lát Hưng Thịnh	-	14.998.065.540
Công ty TNHH Đầu tư XD và TM Sinh Hùng 68	-	2.000.132.000
Công ty Cổ phần APC Holdings	8.210.650.000	-
Các đối tượng khác	513.579.000	17.012.317.084
Cộng	14.934.616.451	96.319.730.796

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	69.536.369.607	6.879.141.817
Đặng Ngọc Hường - Tiền thuê văn phòng SH16	-	2.733.582.210
Công ty Cổ phần TM và XNK Hồng Việt	2.286.559.607	4.145.559.607
Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực ANGIMEX (i)	40.700.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hai Nhứt (i)	26.549.810.000	-
Các đối tượng khác	-	120.000.000
Cộng	69.536.369.607	6.999.141.817

(i) Đây là khoản Công ty Cổ phần GKM Holdings ứng trước Hợp đồng mua gạo trong năm 2024 cho các nhà cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.4. Phải thu về cho vay**5.4.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vật liệu xây dựng Phát Đạt	5.000.000.000	-
Cộng	5.000.000.000	-

5.4.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	45.000.000.000	45.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đại An (i)	45.000.000.000	45.000.000.000
Cộng	45.000.000.000	45.000.000.000

(i) Khoản cho vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đại An theo Hợp đồng số 2812/2022/HĐCV ngày 28/12/2022 kèm Phụ lục hợp đồng cho vay số 2812/2022/HĐCV ngày 30/12/2022 và Phụ lục hợp đồng cho vay số 2512/2022/HĐCV/PL02 ngày 01/07/2023 với các điều khoản như sau:

- Số tiền vay: 45.000.000.000 VND;
- Thời hạn vay: 18 tháng;
- Lãi suất vay: từ ngày 28/12/2022 đến ngày 30/06/2023 là 18%/năm, từ ngày 01/07/2023 đến ngày 27/06/2024 là 10%/năm;
- Thời hạn trả gốc: Vào ngày đáo hạn;
- Biện pháp đảm bảo khoản vay: Tín chấp;
- Số dư khoản cho vay tại ngày 31/12/2023 là: 45.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	7.330.169.166	-	56.449.166	-
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	56.449.166	-	56.449.166	-
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh	7.273.720.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	144.160.472.603	-	137.085.305	-
Tạm ứng	358.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vật liệu xây dựng Phát Đạt (i)	51.424.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bảo Minh Khang (i)	46.112.000.000	-	-	-
Nguyễn Đoàn Mạnh Hiếu (ii)	23.017.500.000	-	-	-
Nguyễn Tùng Lâm (ii)	16.875.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh BĐS Đại An - Lãi dự thu về cho vay	6.373.972.603	-	88.767.123	-
Các đối tượng khác	-	-	48.318.182	-
Cộng	151.490.641.769	-	193.534.471	-

(i) Khoản nợ Công ty GKM Holdings còn phải thu do chuyển nhượng cổ phần tại công ty con (Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh) cho:

- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bảo Minh Khang theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 03/2023/HĐCN/KMQ ngày 10/10/2023 với tổng giá trị chuyển nhượng là 57.640.000.000 VND (Chuyển nhượng 4.400.000 cổ phần với giá chuyển nhượng 13.100 VND/CP);
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vật liệu xây dựng Phát Đạt theo Hợp đồng chuyển nhượng số 02/2023/HĐCN/KMQ ngày 25/09/2023 với tổng giá trị chuyển nhượng là 65.500.000.000 VND (Chuyển nhượng 5.000.000 cổ phần với giá chuyển nhượng 13.100 VND/CP).

(ii) Số tiền Công ty GKM Holdings đã đặt cọc mua cổ phần Công ty Cổ phần APC Holdings của:

- Ông Nguyễn Tùng Lâm theo hợp đồng đặt cọc ngày 25/12/2023 với tổng giá trị chuyển nhượng là 33.750.000.000 VND (Mua 2.250.000 cổ phần với giá mua 15.000 VND/CP);
- Ông Nguyễn Đoàn Mạnh Hiếu theo hợp đồng đặt cọc ngày 25/12/2023 với tổng giá trị chuyển nhượng là 46.035.000.000 VND (Mua 3.069.000 cổ phần với giá mua 15.000 VND/CP);

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.6. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hàng hóa tồn kho	-	-	842.526.000	-
Cộng	-	-	842.526.000	-

5.7. Chi phí trả trước**5.7.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	-	7.653.889
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.000.455	90.000.000
Cộng	6.000.455	97.653.889

5.7.2. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	157.238.349	242.343.783
Chi phí sửa chữa văn phòng Hà Nội SH19	606.910.845	788.984.097
Chi phí san lấp mặt bằng	9.293.902.938	9.546.080.346
Chi phí trả trước dài hạn khác	36.254.048	79.758.908
Cộng	10.094.306.180	10.657.167.134

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.8. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/ đã khấu trừ VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	919.431.503	-	623.496.135	4.288.723.209	4.584.658.577	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.625.694.366	-	5.618.118.232	5.392.348.679	6.399.924.813	-
Thuế thu nhập cá nhân	260.607.742	-	84.446.562	42.929.998	219.091.178	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (i)	-	7.772.667.444	233.450.208	21.956.400	-	7.984.161.252
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các loại thuế khác, phí khác	80.886.480	-	474.653.811	393.767.331	-	-
Cộng	7.886.620.091	7.772.667.444	7.037.164.948	10.142.725.617	11.203.674.568	7.984.161.252

(i) Tiền thuê đất phải thu thực tế là tiền đền bù giải phóng mặt bằng mà Công ty đã trả trước và được trừ dần vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa và dịch vụ là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động của Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định hữu hình khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Số dư tại ngày 01/01/2023	5.583.935.775	2.660.607.980	3.599.122.722	663.735.850	199.762.772	12.707.165.099					
Số dư tại ngày 31/12/2023	5.583.935.775	2.660.607.980	3.599.122.722	663.735.850	199.762.772	12.707.165.099					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư tại ngày 01/01/2023	5.329.044.352	2.660.607.980	2.743.774.605	309.514.055	138.721.860	11.181.662.852					
- Khấu hao trong năm	179.526.087	-	352.265.340	96.388.224	31.489.584	659.669.235					
Số dư tại ngày 31/12/2023	5.508.570.439	2.660.607.980	3.096.039.945	405.902.279	170.211.444	11.841.332.087					
Giá trị còn lại											
- Tại ngày 01/01/2023	254.891.423	-	855.348.117	354.221.795	61.040.912	1.525.502.247					
- Tại ngày 31/12/2023	75.365.336	-	503.082.777	257.833.571	29.551.328	865.833.012					
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:											
- Tại ngày 01/01/2023	3.002.677.133	2.660.607.980	370.000.000	37.772.722	36.400.000	6.107.457.835					
- Tại ngày 31/12/2023	5.170.165.368	2.660.607.980	2.284.000.000	37.772.722	36.400.000	10.188.946.070					

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.10. Bất động sản đầu tư	01/01/2023		Tăng trong năm		Giảm trong năm		31/12/2023	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê								
Nguyên giá	42.872.413.754						42.872.413.754	
- Cơ sở hạ tầng	42.431.504.663						42.431.504.663	
+ Nhà cửa vật kiến trúc	42.431.504.663						42.431.504.663	
+ Bất động sản đầu tư khác	440.909.091						440.909.091	
Giá trị hao mòn lũy kế								
Giá trị hao mòn	11.364.239.183		2.258.186.112				13.622.425.295	
- Cơ sở hạ tầng	11.364.239.183		2.258.186.112				13.622.425.295	
+ Nhà cửa vật kiến trúc	10.923.330.092		2.258.186.112				13.181.516.204	
+ Bất động sản đầu tư khác	440.909.091						440.909.091	
Giá trị còn lại	31.508.174.571				2.258.186.112		29.249.988.459	
- Cơ sở hạ tầng	31.508.174.571				2.258.186.112		29.249.988.459	
+ Nhà cửa vật kiến trúc	31.508.174.571				2.258.186.112		29.249.988.459	
+ Bất động sản đầu tư khác								
Nguyên giá tài sản là bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:								
- Cơ sở hạ tầng	9.569.991.963						9.569.991.963	
+ Nhà cửa vật kiến trúc	9.129.082.872						9.129.082.872	
+ Bất động sản đầu tư khác	440.909.091						440.909.091	

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.11. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh (ii)	-	-	153.844.183.172	-
Công ty Cổ phần Nhóm Khang Minh (ii)	-	-	130.894.183.172	(i)
	-	-	22.950.000.000	(i)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Power Trade	60.000.000.000	-	-	-
	60.000.000.000	-	(i)	(i)
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư HG	27.544.183.172	-	3.000.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Công nghệ Internet Chiếc Ô Xanh	-	-	2.000.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh (ii)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Nhóm Khang Minh (ii)	18.894.183.172	-	-	(i)
	7.650.000.000	-	-	(i)
Cộng	87.544.183.172	-	156.844.183.172	-

Giá trị hợp lý

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(ii) Các khoản đầu tư vào công ty con sau khi Công ty GKM Holdings thoái vốn trở thành các khoản đầu tư vào đơn vị khác (Chi tiết tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các đơn vị này tại ngày 31/12/2023 được thuyết minh tại **Thuyết minh số 1.5**).

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công trình trạm nghiền đá	-	16.678.300
Nhà kho, nhà xưởng	-	563.185.561
Cộng	-	579.863.861

5.13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	28.744.719.847	28.744.719.847	30.394.390.577	30.394.390.577
Công ty Cổ phần Cơ khí và Vật liệu xây dựng Phú Nguyễn	3.834.872.805	3.834.872.805	4.234.872.805	4.234.872.805
Công ty Cổ phần Đoàn Minh Công	680.000.000	680.000.000	680.000.000	680.000.000
Công ty TNHH Vận tải Trường Kỳ	736.085.468	736.085.468	736.085.468	736.085.468
Công ty TNHH Khai thác đá Xuân Tùng	10.547.007.201	10.547.007.201	9.391.367.270	9.391.367.270
Công ty Cổ phần Tài nguyên Đông Bắc	6.069.618.612	6.069.618.612	8.689.618.612	8.689.618.612
Công ty TNHH Phương Lâm	4.999.507.719	4.999.507.719	4.999.507.719	4.999.507.719
Phải trả cho người bán là các đối tượng khác	1.877.628.042	1.877.628.042	1.662.938.703	1.662.938.703
Cộng	30.244.719.847	30.244.719.847	31.894.390.577	31.894.390.577

5.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Người mua trả trước là bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước là các khách hàng khác</i>	2.873.741.620	-
Công ty Cổ phần Xây dựng HP Thăng Long	44.347.691	-
Công ty Cổ phần Xây dựng sản xuất và Thương mại Đại Sản	141.876.475	-
Công ty CP Vật liệu Xây dựng Bảo Minh Khang	2.687.517.454	-
Cộng	2.873.741.620	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	364.872.972	1.979.205.072
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG - Trích trước lãi trái phiếu phải trả	364.872.972	1.979.205.072
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	100.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc - Trích trước chi phí kiểm toán	100.000.000	-
Cộng	464.872.972	1.979.205.072

5.16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	508.273.974
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh	-	508.273.974
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	2.790.388.424	965.572.958
Nhận ký quỹ, ký cược	1.834.004.260	-
Kinh phí công đoàn	863.633.073	860.920.632
Phải trả về các khoản Bảo hiểm	36.661.371	48.562.606
Phải trả khác	56.089.720	56.089.720
Cộng	2.790.388.424	1.473.846.932

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.17. Vay và nợ thuế tài chính**5.17.1. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	31/12/2023				Phát sinh trong năm				01/01/2023
	Giá trị		Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm		Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	8.000.000.000	8.000.000.000	23.474.000.000	38.374.000.000	22.900.000.000	22.900.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	22.900.000.000
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	15.474.000.000	25.474.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh	-	-	15.474.000.000	25.474.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<i>Tổ chức, cá nhân khác</i>	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	12.900.000.000	12.900.000.000	12.900.000.000	12.900.000.000	12.900.000.000	12.900.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-	-	12.900.000.000	12.900.000.000	12.900.000.000	12.900.000.000	12.900.000.000	12.900.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Châu Thành Sài Gòn (i)	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-	-	-	-
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	44.130.616.164	44.130.616.164	44.130.616.164	44.130.616.164	44.130.616.164	44.130.616.164	44.130.616.164	44.130.616.164	44.130.616.164
<i>Các bên liên quan</i>	43.330.616.164	43.330.616.164	43.330.616.164	43.330.616.164	43.330.616.164	43.330.616.164	43.330.616.164	43.330.616.164	43.330.616.164
- Công ty Cổ phần chứng khoán APG (ii)	43.330.616.164	43.330.616.164	43.330.616.164	43.330.616.164	43.330.616.164	43.330.616.164	43.330.616.164	43.330.616.164	43.330.616.164
<i>Tổ chức, cá nhân khác</i>	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000
- Trái chủ khác (ii)	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000
Cộng	52.130.616.164	52.130.616.164	67.604.616.164	38.374.000.000	22.900.000.000	22.900.000.000	22.900.000.000	22.900.000.000	22.900.000.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(i) Hợp đồng cho vay số 01/2023/3672226/HĐTD ngày 30/11/2023 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Châu Thành Sài Gòn và Công ty với các điều khoản sau:

- Số tiền cho vay: 8.000.000.000 VND (Tám tỉ đồng);
- Thời hạn vay: 12 tháng;
- Lãi suất vay 8,2%/năm;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- Số dư khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 8.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.17.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu dài hạn là các bên liên quan						
Công ty Cổ phần chứng khoán APG (ii)	-	-	2.771.030.304	43.880.616.164	41.109.585.860	41.109.585.860
Trái phiếu dài hạn là các tổ chức, cá nhân khác						
Trái chủ khác (ii)	-	-	2.771.030.304	43.880.616.164	41.109.585.860	41.109.585.860
Cộng	-	-	2.771.030.304	49.430.616.164	46.659.585.860	46.659.585.860
<i>Chi tiết các khoản trái phiếu dài hạn:</i>						
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
Trái phiếu thường						
Phát hành trái phiếu theo mệnh giá GKM2124001	44.130.616.164	12,60%	3 năm	46.659.585.860	12,60%	3 năm
Cộng	44.130.616.164			46.659.585.860		

(ii) Chi tiết trái phiếu phát hành:

- Loại trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo;
- Mệnh giá: 10.000.000 đồng/trái phiếu;
- Tổng khối lượng phát hành: 10.000 trái phiếu tương đương 100.000.000.000 VND;
- Lãi suất cố định 12,6%/năm; Kỳ hạn trái phiếu là 36 tháng; Ngày phát hành là 20/09/2021 và ngày đáo hạn là 20/09/2024;
- Kỳ hạn thanh toán lãi: Trả lãi định kỳ 03 tháng/lần kể từ ngày phát hành trái phiếu;
- Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định hiện hành;
- Mục đích phát hành: Tăng quy mô vốn hoạt động kinh doanh;
- Tiền gốc thanh toán theo mệnh giá một lần vào ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GKMI HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.18. Vốn chủ sở hữu**5.18.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm trước								
Số dư tại ngày 01/01/2022	238.139.000.000		8.556.059.091		22.510.984.722		269.206.043.813	
Tăng trong năm trước	-		-		24.234.794.519		24.234.794.519	
Lãi trong năm trước	-		-		24.234.794.519		24.234.794.519	
Giảm trong năm trước	-		-		-		-	
Số dư tại ngày 31/12/2022	238.139.000.000		8.556.059.091		46.745.779.241		293.440.838.332	
Năm nay								
Số dư tại ngày 01/01/2023	238.139.000.000		8.556.059.091		46.745.779.241		293.440.838.332	
Tăng trong năm	76.203.370.000		-		43.022.377.464		119.225.747.464	
Lãi trong năm	-		-		43.022.377.464		43.022.377.464	
Tăng vốn trong năm	76.203.370.000		-		-		76.203.370.000	
Giảm trong năm	-		(140.000.000)		(76.203.370.000)		(76.343.370.000)	
Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu (i)	-		-		(23.813.400.000)		(23.813.400.000)	
Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu (ii)	-		-		(52.389.970.000)		(52.389.970.000)	
Chi phí phát hành cổ phiếu	-		(140.000.000)		-		(140.000.000)	
Số dư tại ngày 31/12/2023	314.342.370.000		8.416.059.091		13.564.786.705		336.323.215.796	

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

(i) Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu vào tháng 01 năm 2023 căn cứ Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/KM-2022 ngày 19/03/2022, Nghị quyết HĐQT số 06/2022/KM/NQ-HĐQT ngày 31/05/2022 và Nghị quyết HĐQT số 12/2022/KM/NQ-HĐQT ngày 28/11/2022, theo đó:

- Mỗi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức nắm giữ 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ tức;
- Cổ đông sở hữu 10 quyền nhận cổ tức sẽ nhận được thêm 01 cổ phiếu mới, tương đương số cổ tức đã trả là 23.813.400.000 đồng;

Việc chi trả cổ tức được hoàn thành theo "Báo cáo kết quả đợt phát hành Cổ phiếu để trả cổ tức" số 01/2023/KM/BCKQ ngày 06/01/2023 của Công ty Cổ phần GKM Holdings và Công văn số 203/UBCK-QLCB ngày 13/01/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Theo quyết định số 58/QĐ-SGDHN ngày 15/02/2023 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp nhận cho Công ty Cổ phần GKM Holdings được niêm yết bổ sung 2.381.340 cổ phiếu tương đương giá trị niêm yết bổ sung là 23.813.400.000 đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết kể từ ngày có Quyết định này là 26.195.240 cổ phiếu tương đương tổng giá trị cổ phiếu niêm yết là 261.952.400.000 đồng.

(ii) Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu vào tháng 07 năm 2023 căn cứ Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/KM-2023 ngày 19/05/2023 và Nghị quyết HĐQT số 25/2023/KM/NQ-HĐQT ngày 12/06/2023, theo đó:

- Mỗi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức nắm giữ 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ tức;
- Cổ đông sở hữu 100 quyền nhận cổ tức sẽ nhận được thêm 20 cổ phiếu mới, tương đương số cổ tức đã trả là 52.389.970.000 đồng;

Việc chi trả cổ tức được hoàn thành theo "Báo cáo kết quả đợt phát hành Cổ phiếu để trả cổ tức" số 37/BCKQ-KM ngày 21/07/2023 của Công ty Cổ phần GKM Holdings và Công văn số 498/UBCK-QLCB ngày 26/07/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Theo Quyết định số 855/QĐ-SGDHN ngày 18/08/2023 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp nhận cho Công ty Cổ phần GKM Holdings được niêm yết bổ sung 5.238.997 cổ phiếu tương đương giá trị niêm yết bổ sung là 52.389.970.000 đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết kể từ ngày có Quyết định này là 31.434.237 cổ phiếu tương đương tổng giá trị cổ phiếu niêm yết là 314.342.370.000 đồng.

Việc chi trả cổ tức năm 2021 và năm 2022 bằng cổ phiếu (nêu trên) đã làm lợi nhuận chưa phân phối lũy kế của Công ty tại ngày 31/12/2022 bị âm. Hội đồng quản trị Công ty đã khắc phục bằng việc sử dụng lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh năm 2023 để bù đắp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

5.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023	01/01/2023
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Ông Đặng Việt Lê	33.636.649.223	25.482.400.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	62.458.219.449	47.317.000.000
Các cổ đông khác	218.247.501.328	165.339.600.000
Cộng	314.342.370.000	238.139.000.000

5.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	238.139.000.000	238.139.000.000
Vốn góp tăng trong năm	76.203.370.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	314.342.370.000	238.139.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	76.203.370.000	-

5.18.4. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.434.237	23.813.900
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.434.237	23.813.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	31.434.237	23.813.900
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.434.237	23.813.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	31.434.237	23.813.900

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP.

5.18.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	<i>VND</i>	
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	46.745.779.241	22.510.984.722
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD trong năm	43.022.377.464	24.234.794.519
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	-
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ	89.768.156.705	46.745.779.241
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	(76.203.370.000)	-
- <i>Chia cổ tức</i>	(76.203.370.000)	-
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	13.564.786.705	46.745.779.241

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu hoạt động bán hàng hóa	21.707.856.700	58.957.394.950
Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ	5.362.512.000	8.218.188.000
Cộng	27.070.368.700	67.175.582.950
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 9.1.2)	6.209.718.700	5.780.688.000

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn hoạt động bán hàng hóa	21.428.716.000	43.888.625.018
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	2.884.497.328	2.477.534.990
Cộng	24.313.213.328	46.366.160.008

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.285.237.755	598.292.195
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn	34.873.000.000	11.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.715.658.978	13.755.034.737
Cộng	62.873.896.733	25.853.326.932
Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 9.1.2)	21.715.658.978	14.263.289.684

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	7.036.316.325	13.076.682.318
Lãi chậm trả nhà cung cấp	1.155.639.931	857.291.465
Chi phí phát hành, lưu ký trái phiếu	1.271.030.304	1.271.030.304
Cộng	9.462.986.560	15.205.004.087
Chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 9.1.2)	7.885.505.481	12.814.265.261

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí công cụ dụng cụ đồ dùng	260.274.391	19.806.562
Chi phí khấu hao tài sản cố định	497.074.107	1.094.698.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	137.354.067
Chi phí khác bằng tiền	-	411.818.878
Cộng	757.348.498	1.663.678.055

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.297.053.464	984.072.201
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	15.736.965	26.753.023
Chi phí khấu hao tài sản cố định	162.595.128	162.595.128
Thuế, phí và lệ phí	24.956.400	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.599.016.327	104.301.712
Chi phí khác bằng tiền	132.547.517	290.669.944
Cộng	6.231.905.801	1.571.392.008

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác	123.590.306	12.648.726
Cộng	123.590.306	12.648.726

6.8. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền vi phạm hành chính, tiền chậm nộp	579.254.341	43.864.236
Chi phí thanh lý tài sản	-	731.702.217
Các khoản khác	82.651.515	475.245.979
Cộng	661.905.856	1.250.812.432

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

6.9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	48.640.495.696	26.984.512.018
- Các khoản điều chỉnh tăng khi tính thuế	661.905.856	519.110.215
+ Chi phí vi phạm hành chính	579.254.341	43.864.236
+ Chi phí không được trừ khác	82.651.515	475.245.979
- Các khoản điều chỉnh giảm khi tính thuế	(21.839.249.284)	(13.755.034.737)
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	27.463.152.268	13.748.587.496
- Thu nhập từ HĐKD chịu thuế suất 20%	27.463.152.268	13.748.587.496
- Chi phí thuế TNDN từ HĐKD chịu thuế suất 20%	5.492.630.454	2.749.717.499
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	5.492.630.454	2.749.717.499
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	6.399.924.813	3.650.207.314
- Truy thu thuế TNDN trong năm	125.487.778	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.392.348.679)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	6.625.694.366	6.399.924.813

6.10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân công	1.297.053.464	1.167.138.021
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	276.011.356	298.736.993
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.917.855.347	2.534.133.614
Thuế, phí và lệ phí	236.450.208	214.493.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.190.372.327	44.684.203.258
Chi phí khác bằng tiền	384.724.925	702.524.377
Cộng	31.302.467.627	49.601.230.071

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	23.474.000.000	51.075.000.000
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	1.271.030.304	-
Cộng	24.745.030.304	51.075.000.000

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	38.374.000.000	120.164.500.000
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	3.800.000.000	-
Cộng	42.174.000.000	120.164.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Các loại công cụ tài chính của Công ty :

A. Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách			
	01/01/2023		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và tương đương tiền	50.081.966.316	-	11.219.568.365	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	96.513.265.267	-	166.425.258.220	-
Các khoản cho vay	45.000.000.000	-	50.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	156.844.183.172	-	87.544.183.172	-
Cộng	348.439.414.755	-	315.189.009.757	-

B. Nợ phải trả tài chính	Giá trị sổ sách	
	01/01/2023	31/12/2023
	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	33.368.237.509	33.035.108.271
Chi phí phải trả	1.979.205.072	464.872.972
Vay và nợ	69.559.585.860	52.130.616.164
Cộng	104.907.028.441	85.630.597.407

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Hội đồng quản trị xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Tại ngày 01/01/2023	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và tương đương tiền	50.081.966.316	-	-	50.081.966.316
Phải thu khách hàng, phải thu khác	96.513.265.267	-	-	96.513.265.267
Các khoản cho vay	-	45.000.000.000	-	45.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	156.844.183.172	156.844.183.172
Cộng	146.595.231.583	45.000.000.000	156.844.183.172	348.439.414.755

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Tại ngày 31/12/2023	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và tương đương tiền	11.219.568.365	-	-	11.219.568.365
Phải thu khách hàng, phải thu khác	166.425.258.220	-	-	166.425.258.220
Các khoản cho vay	5.000.000.000	45.000.000.000	-	50.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	87.544.183.172	87.544.183.172
Cộng	182.644.826.585	45.000.000.000	87.544.183.172	315.189.009.757

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Tại ngày 01/01/2023	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán, phải trả khác	33.368.237.509	-	-	33.368.237.509
Chi phí phải trả	1.979.205.072	-	-	1.979.205.072
Vay và nợ	22.900.000.000	46.659.585.860	-	69.559.585.860
Cộng	58.247.442.581	46.659.585.860	-	104.907.028.441

Tại ngày 31/12/2023	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán, phải trả khác	33.035.108.271	-	-	33.035.108.271
Chi phí phải trả	464.872.972	-	-	464.872.972
Vay và nợ	52.130.616.164	-	-	52.130.616.164
Cộng	85.630.597.407	-	-	85.630.597.407

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GKIM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

9.1.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2023			Năm 2022		
	Tiền lương VND	Thù lao VND	Cộng VND	Tiền lương VND	Thù lao VND	Cộng VND
Hội đồng Quản trị						
Đặng Việt Lê	486.516.000	-	486.516.000	-	-	-
Nguyễn Việt Hà	-	-	-	-	-	-
Trần Hưng Dũng	-	-	-	-	-	-
Hoàng Văn Hải	-	-	-	-	-	-
Phạm Nghiêm Việt Dũng	-	-	-	-	-	-
Nguyễn Công Duy	-	-	-	-	-	-
Đỗ Minh Đức	-	-	-	-	-	-
Nguyễn Hữu Phú	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	486.516.000	-	486.516.000	-	-	-
Ban kiểm soát						
Nguyễn Thu Trang	334.050.000	-	334.050.000	-	239.964.000	239.964.000
Cao Thị Thương	839.900	-	839.900	-	124.476.700	124.476.700
Nguyễn Minh Đức	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	334.889.900	-	334.889.900	-	364.440.700	364.440.700

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

	Năm 2023		Năm 2022	
	Tiền lương VND	Thù lao VND	Tiền lương VND	Thù lao VND
Ủy ban kiểm toán				
Đỗ Minh Đức	-	-	-	-
Nguyễn Công Duy	-	-	-	-
Tổng cộng	-	-	-	-
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng				
Bùi Thế Nam	-	-	181.518.000	-
Nguyễn Việt Hà	347.310.000	-	302.574.000	-
Nguyễn Hữu Phú	-	-	-	-
Hoàng Văn Hải	-	-	-	-
Nguyễn Văn Tiêm	-	-	-	-
Nguyễn Thị Duyên	-	-	-	-
Tổng cộng	347.310.000	-	484.092.000	484.092.000

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

9.1.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Danh sách bên liên quan khác của Công ty

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Địa điểm</u>
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh	Bên nhận đầu tư	Tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	Bên nhận đầu tư	Tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	Cổ đông	Thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Đầu tư HG	Bên nhận đầu tư	Thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Công nghệ Internet Chiếc Ô Xanh	Bên nhận đầu tư	Thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Power Trade	Bên nhận đầu tư	Tỉnh Lạng Sơn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa	847.206.700	-
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh	847.206.700	-
Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ	5.362.512.000	5.780.688.000
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	5.362.512.000	5.780.688.000
Cộng	6.209.718.700	5.780.688.000
Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh - Cổ tức được chia	21.715.658.978	13.755.034.737
Công ty Đá Thạch Anh Khang Minh - Lãi tiền cho vay	-	330.385.973
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh - Lãi cho vay	-	177.868.974
Cộng	21.715.658.978	14.263.289.684
Chi phí hoạt động tài chính	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh - Lãi vay phải trả	845.632.492	508.273.974
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh - Lãi vay phải trả	-	12.791.666
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG - Tiền lãi trái phiếu phải trả	5.768.842.685	11.022.169.317
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG - Chi phí phát hành và lưu ký trái phiếu	1.271.030.304	1.271.030.304
Cộng	7.885.505.481	12.814.265.261

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

Mua hàng hóa, dịch vụ	Năm 2023 <i>VND</i>	Năm 2022 <i>VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	-	3.327.000.000
Cộng	-	3.327.000.000
Thu tiền	Năm 2023 <i>VND</i>	Năm 2022 <i>VND</i>
Công ty Đá Thạch Anh Khang Minh - Thu tiền cho vay	-	9.000.000.000
Công ty Đá Thạch Anh Khang Minh - Thu tiền thanh lý tài sản	-	550.000.000
Công ty Đá Thạch Anh Khang Minh - Thu tiền lãi cho vay	-	330.385.973
Công ty Đá Thạch Anh Khang Minh - Thu tiền cổ tức	14.441.938.978	15.830.525.917
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh - Thu tiền bán hàng	795.480.597	6.077.709.322
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh - Thu tiền cho vay	-	18.504.100.864
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh - Thu tiền lãi cho vay	-	170.642.962
Đặng Việt Lê - Thu tiền đã cho mượn	-	20.194.999.998
Cộng	15.237.419.575	70.658.365.036
Chi tiền	Năm 2023 <i>VND</i>	Năm 2022 <i>VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG - Trả tiền mua dịch vụ	-	1.827.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG - Trả lãi trái phiếu	7.413.728.210	10.462.448.314
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG - Thanh toán trái phiếu	3.800.000.000	51.000.000.000
Công ty Đá Thạch Anh Khang Minh - Trả tiền vay	25.474.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh - Trả tiền vay	-	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh - Trả lãi tiền vay	-	12.791.666
Công ty Đá Thạch Anh Khang Minh - Trả tiền lãi vay	1.353.906.466	-
Cộng	38.041.634.676	72.802.239.980
Cho vay tiền	Năm 2023 <i>VND</i>	Năm 2022 <i>VND</i>
Đặng Việt Lê - Cho mượn tiền	-	20.194.999.998
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh - Cho vay ngắn hạn	-	8.320.000.000
Cộng	-	28.514.999.998

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Đi vay tiền		
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh - Vay ngắn hạn	15.474.000.000	12.500.000.000
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh - Vay ngắn hạn	-	7.000.000.000
Cộng	15.474.000.000	19.500.000.000
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giao dịch về vốn		
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh - Thoái vốn	112.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh - Thoái vốn	15.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư HG - Rút vốn	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Power Trade - Góp vốn	60.000.000.000	-
Ông Đặng Việt Lê - Chia cổ tức bằng cổ phiếu	8.154.249.223	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG - Chia cổ tức bằng cổ phiếu	15.141.219.449	-
Giao dịch khác		
Nguyễn Thu Trang - Hoàn tạm ứng	-	1.423.300.000

Công nợ với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan khác.

9.2. Thông tin bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

9.3. Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

9.4. Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9.5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B 09 - DN

9.6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần GKM Holdings đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM. Một số chỉ tiêu được trình bày lại cho phù hợp với năm nay, cụ thể như sau:

TT	Khoản mục	Mã số	31/12/2022	01/01/2023 Trình bày lại	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán					
1	Tài sản cố định hữu hình	221	33.033.676.818	1.525.502.247	(31.508.174.571)
	- Nguyên giá	222	55.579.578.853	12.707.165.099	(42.872.413.754)
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(22.545.902.035)	(11.181.662.852)	11.364.239.183
2	Bất động sản đầu tư	230	-	31.508.174.571	31.508.174.571
	- Nguyên giá	231	-	42.872.413.754	42.872.413.754
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	(11.364.239.183)	(11.364.239.183)
3	Chi phí trả trước dài hạn	261	12.997.581.274	10.657.167.134	(2.340.414.140)
4	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	49.000.000.000	46.659.585.860	(2.340.414.140)




Người lập biểu

Đặng Thị Mai


Hà Nam, Việt Nam

Ngày 21 tháng 03 năm 2024



Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Duyên

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đặng Việt Lê